

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN BÌNH
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 53/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 31 - 10 - 2018

V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con,
nợ chung khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN BÌNH - TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Anh Đào

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Quốc Trung
2. Ông Trần Ngọc Thái

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Phú Duy – Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tham gia phiên toà:
Ông Nguyễn Huy Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 194/2018/TLST – HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2018 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, nợ chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 22/10/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lương Thị Thu H, sinh năm 1989. Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn 5, xã T, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

- Bị đơn: Anh Phạm Hồng D, sinh năm 1985. Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn 5, xã T, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Ông Phạm Hồng A, sinh năm 1955. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn 5, xã T, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Thương mại cổ phần B - Địa chỉ: Tòa nhà C, số 109 Trần Hưng Đạo, phường N, quận K, thành phố Q.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Cộng M – Giám đốc Ngân hàng TMCP B chi nhánh Yên Bái. (Theo văn bản ủy quyền số 8766A/2017/QĐ-LienVietPostBank ngày 16/8/2017 của Ngân hàng TMCP B). Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lương Thị Thu H trình bày:

Về hôn nhân: Chị kết hôn với anh Phạm Hồng D trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái ngày 03/9/2011. Sau khi kết hôn, anh chị về ở cùng bố mẹ đẻ anh D, chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, tính cách không phù hợp nên giữa hai vợ chồng thường xảy ra việc cãi cọ. Vợ chồng cũng đã tự hòa giải với nhau nhiều lần nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn trầm trọng từ tháng 8/2018 cho đến nay, anh chị đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Hồng D.

Về nuôi con chung: Giữa chị và anh Phạm Hồng D có 01 con chung là cháu Phạm Ngọc P sinh ngày 11/8/2012. Hiện nay cháu đang ở cùng anh D. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu P cho đến khi trưởng thành và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị xác định có đủ các điều kiện để nuôi con, hiện nay chị đang làm công chức lao động thương binh xã hội tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thu nhập hơn 6.000.000 đồng/ tháng, giờ làm việc theo giờ hành chính, ngoài ra chị còn ký hợp đồng làm thêm cho công ty TNHH tư vấn và xây dựng T&T, công việc là làm các chứng từ kế toán vào 3- 4 ngày cuối tháng, làm vào buổi tối hoặc ngày nghỉ thứ 7, chủ nhật, thu nhập thêm khoảng 3.000.000 đồng/ tháng (có hợp đồng lao động) và kinh doanh cửa hàng cắt tóc, gọi đầu thu nhập bình quân từ 03 - 04 triệu đồng/tháng (không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh). Hiện chị ở cùng mẹ đẻ tại xã Đ.

Về chia tài sản chung: Giữa chị và anh D không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác nhận vợ chồng có hai khoản nợ chung, gồm:

+ Nợ Ngân hàng TMCP B (vay qua chi nhánh huyện Yên Bình) số tiền 45.514.000đ (*Bốn mươi lăm triệu năm trăm mười bốn nghìn đồng*) theo hợp đồng kiêm khế ước số 2869/091116/04/180. Thời hạn vay là 60 tháng. Lãi suất 1,125%/năm. Mục đích vay để chi tiêu sinh hoạt gia đình và học hành của vợ chồng.

+ Nợ ông Phạm Hồng A (là bố đẻ của anh Phạm Hồng D) số tiền 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*). Vay ngày 29/7/2018, không có thời hạn vay và lãi suất. Mục đích vay khoản tiền này do là chị có yêu cầu ly hôn anh D nên đã ký vào giấy vay tiền.

Chị nhận trả khoản nợ Ngân hàng (cả gốc và lãi phát sinh khi đến thời hạn tất toán hợp đồng) và trả ông A 52.000.000 đồng; anh D trả ông A 98.000.000 đồng.

Tại các bản tự khai, đơn khởi kiện đề ngày 29/8/2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Phạm Hồng D trình bày:

Về hôn nhân: Về việc kết hôn và quá trình chung sống giữa anh với chị H đúng như chị H trình bày. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, chị H nhiều lần lừa dối anh. Vợ chồng cũng đã tự hòa giải với nhau nhiều lần nhưng không có kết quả. Từ tháng 8/2018 anh chị đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau nữa. Anh xác định tình cảm vợ chồng với chị H đã hết. Chị H xin ly hôn, anh nhất trí.

Về nuôi con chung: Giữa anh và chị H có một con chung là cháu Phạm Ngọc P, sinh ngày 11/8/2012. Ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu đến khi 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con. Anh hiện làm cán bộ Phòng Tổ chức cán bộ Sở Y tế Yên Bái, thời gian làm việc theo giờ hành chính, thu nhập hơn 5 triệu/tháng, bố mẹ anh đều là cán bộ hưu trí có lương hưu, ngoài ra anh còn nuôi ong tại nhà, mỗi tháng bán mật ong được khoảng 2.000.000 đồng. Anh có nơi ở ổn định (được bố mẹ tặng cho tài sản là nhà, đất tại thôn 5, xã T, huyện Yên Bình) nên đảm bảo điều kiện về kinh tế và chỗ ở ổn định để nuôi con. Từ khi chị H về nhà mẹ đẻ ở, cháu P vẫn ở cùng anh và ông bà nội. Hiện nay, cháu đang học lớp 1B trường Tiểu học & THCS xã T và đã ổn định, quen trường, lớp, bạn bè. Mặt khác, chị H còn vay nợ nhiều, anh đã phải nhiều lần đi trả nợ riêng cho chị H. Việc anh và chị H vay của ông A (bố đẻ anh) số tiền 150.000.000 đồng cũng là để trả các khoản nợ riêng của chị H vay. Ngoài các khoản nợ anh đã trả cho chị H, anh còn được biết hiện chị H đang nợ Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (vay qua thế giới di động) số tiền 70.000.000 đồng. Quá trình chung sống với nhau, chị H cũng thường xuyên đi làm về muộn, không có thời gian chăm sóc con. Do đó anh không đồng ý giao cho chị H trực tiếp nuôi con.

Về chia tài sản chung: Giữa anh và chị H không có tài sản gì chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Giữa anh và chị H có hai khoản nợ chung đúng như chị H trình bày. Anh nhất trí với đề nghị của chị H về việc trả nợ.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của

Ngân hàng TMCP B trình bày:

Ngày 09/11/2016 chị Lương Thị Thu H có trực tiếp đứng tên vay (anh Phạm Hồng D ký bảo lãnh) số tiền gốc là 70.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng kiêm khế ước số: 2869/091116/04/180. Lãi suất là 1,125%/năm. Mục đích vay là để mua sắm đồ dùng gia đình. Thời hạn tất toán hợp đồng là ngày 09/11/2021. Tính đến thời điểm hết ngày 24/9/2018 dư nợ hiện tại là 45.514.000 đồng. Ngân hàng nhất trí với đề nghị của chị H là: Chị H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền dư nợ hiện tại cùng lãi phát sinh tính đến thời điểm tất toán hợp đồng.

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập – ông Phạm Hồng A trình bày:

Ngày 29/7/2018 chị H và anh D có vay của ông số tiền 150.000.000 đồng không có thời hạn trả và không có lãi suất. Mục đích vay là để trả các khoản nợ riêng của chị H. Ông yêu cầu chị H và anh D phải có trách nhiệm trả khoản nợ này cho ông. Số tiền ông cho vợ chồng chị H, anh D vay là tiền riêng của ông. Ông nhất trí với ý kiến của chị H, anh D về trách nhiệm trả nợ.

Kết quả xác minh qua trường Tiểu học &THCS xã T, huyện Yên Bình cho thấy: Cháu Phạm Ngọc P hiện đang là học sinh lớp 1B của trường. Quá trình học tập, cháu nhanh nhẹn, nhận thức tốt, hòa đồng với các bạn trong lớp. Đi học đầy đủ, đúng giờ, được gia đình rất quan tâm đến việc học tập của cháu.

Kết quả xác minh qua chính quyền địa phương cho thấy: Anh D và bố mẹ đẻ anh D đều là đảng viên, cư trú tại địa phương luôn chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định ở nơi cư trú, thời gian gần đây anh chị có phát sinh mâu thuẫn do chị H có vay nợ nhiều, anh D và gia đình đã nhiều lần phải trả các khoản nợ riêng cho chị H. Giữa anh chị có 01 con chung là cháu Phạm Ngọc P hiện đang ở cùng anh D và ông bà nội, anh D và ông bà nội của cháu rất quan tâm đến cháu, hiện điều kiện sống và học tập của cháu P ở cùng anh D và ông bà nội rất tốt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tại phiên tòa: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị Thu H; xử cho chị H được ly hôn anh Phạm Hồng D. Về nuôi con chung: Giao cháu Phạm

Ngọc P, sinh ngày 11/8/2012 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về nợ chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hồng A, buộc chị H và anh D phải có trách nhiệm trả cho ông Phạm Hồng A số tiền 150.000.000 đồng. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về nợ chung như sau: Chị H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền nợ gốc tính đến hết ngày 24/9/2018 là 45.514.000 đồng và lãi phát sinh khi hết hạn hợp đồng và trả cho ông Phạm Hồng A số tiền 52.000.000 đồng; anh D có trách nhiệm trả cho ông Phạm Hồng A số tiền 98.000.000 đồng. Về án phí: Chị H, anh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Phạm Hồng D có hộ khẩu thường trú tại thôn 5, xã T, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Bình.

[2] Về hôn nhân: Chị Lương Thị Thu H và anh Phạm Hồng D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái ngày 03/9/2011. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, anh chị đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, anh chị đã sống ly thân từ tháng 8/2018 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị Lương Thị Thu H là chính đáng, có căn cứ, cần được chấp nhận. Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị Lương Thị Thu H được ly hôn anh Phạm Hồng D.

[3] Về nuôi con chung: Chị H, anh D đều xác nhận có 01 con chung là cháu Phạm Ngọc P, sinh ngày 11/8/2012. Chị H và anh D đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu P cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi.

Quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã hòa giải nhiều lần nhưng anh chị không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con. Xét thấy nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của anh chị là chính đáng. Tuy nhiên, hiện nay cháu Phạm Ngọc P đang ở cùng anh D và ông bà nội, anh D có thu nhập ổn định đảm bảo các điều kiện về kinh tế và chỗ ở để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu. Mặt khác, hiện nay cháu P đang học lớp 1, trường Tiểu học & THCS xã T, qua xác minh thấy rằng cuộc sống và việc học tập của cháu P hiện ổn định. Chị H hiện nay ở cùng mẹ đẻ, chị cũng thừa nhận từ năm 2016-2018 chị đã vay nhiều khoản

nợ riêng nhưng chị đã trả hết và chị cũng thừa nhận có khoản nợ vay của Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng tại thành phố Hồ Chí Minh số tiền gốc là 70.000.000 đồng, chưa đến hạn trả.

Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu P, cần giao cho anh Phạm Hồng D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Phạm Ngọc P là phù hợp. Việc anh D không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị H và anh D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị Lương Thị Thu H và anh Phạm Hồng D đều xác nhận hiện còn nợ Ngân hàng TMCP B tính đến thời điểm hết ngày 24/9/2018 số tiền nợ gốc là 45.514.000 đồng và nợ ông Phạm Hồng A số tiền 150.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã thỏa thuận như sau: Chị H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền nợ gốc là 45.514.000 đồng cùng lãi phát sinh khi hết hạn hợp đồng và trả cho ông A số tiền 52.000.000 đồng; Anh D có trách nhiệm trả cho ông Phạm Hồng A số tiền 98.000.000 đồng.

[6] Về yêu cầu độc lập của ông Phạm Hồng A đòi chị H, anh D số tiền 150.000.000 đồng: Chị H cho rằng khoản tiền này là do chị có yêu cầu ly hôn anh D nên mới ký vào giấy vay tiền. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị H đều thừa nhận và các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc trả nợ. Vì vậy, yêu cầu của ông Phạm Hồng A đối với anh D, chị H là có căn cứ.

[7] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Do yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hồng A được chấp nhận nên ông A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về nghĩa vụ trả nợ chung trước khi mở phiên tòa, nên chị H và anh D mỗi người phải chịu 50% án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị phần tài sản mỗi bên có trách nhiệm phải trả cho ông A.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 59, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 6 Điều 26, điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Lương Thị Thu H được ly hôn với anh Phạm Hồng D.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Phạm Ngọc P, sinh ngày 11/8/2012 cho anh Phạm Hồng D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về nợ chung:

3.1. Chị Lương Thị Thu H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP B toàn bộ số tiền nợ gốc là 45.514.000đ (*Bốn mươi lăm triệu năm trăm mười bốn nghìn đồng*) và lãi phát sinh cho đến khi tất toán hợp đồng theo hợp đồng tín dụng kiêm khế ước số 2869/091116/04/180 ngày 09/11/2016.

3.2. Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Lương Thị Thu H, anh Phạm Hồng D và ông Phạm Hồng A như sau: Chị Lương Thị Thu H có trách nhiệm trả cho ông Phạm Hồng A số tiền 52.000.000đ (*Năm mươi hai triệu đồng*), anh Phạm Hồng D có trách nhiệm trả cho ông Phạm Hồng A số tiền 98.000.000đ (*Chín mươi tám triệu đồng*).

Đối với khoản tiền trên, kể từ ngày ông Phạm Hồng A có đơn yêu cầu thi hành án mà chị Lương Thị Thu H, anh Phạm Hồng D chưa trả đủ thì còn phải chịu lãi suất bằng 10%/năm của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4. Về án phí: Chị Lương Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 1.300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số AA/2017/0001902 ngày 02/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Bình. Chị H còn phải nộp 1.300.000đ (*Một triệu ba trăm nghìn đồng*).

Anh Phạm Hồng D phải chịu 2.450.000đ (*Hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Anh D chưa nộp.

Ông Phạm Hồng A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí 3.750.000đ (*Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) đã nộp tại biên lai thu số AA/2017/0001950 ngày 19/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Bình.

Chị Lương Thị Thu H, anh Phạm Hồng D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ngân hàng TMCP B, ông Phạm Hồng A được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Yên Bình;
- THADS huyện Yên Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu HS, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Anh Đào